

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HC-PT

Ngày 13 - 7 - 2022

“V/v Khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và ông Nguyễn Duy Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT- HC ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc khởi kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 46, đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019), (Có mặt).

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đều có địa chỉ: Số 545, đường M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND và Ủy ban nhân dân phường K: Ông Lê Văn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường K là người

đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020), (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phùng Văn Đ1 - Công chức địa chính phường K; địa chỉ: Số 545, đường M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Xuân H2, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 46, đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019), (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2019 và quá trình tố tụng người khởi kiện trình bày: Gia đình bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất diện tích 648m² tại thửa số 345, tờ bản đồ 51. tại tổ dân phố M, phường K thành phố V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số BN 288309, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02712-QĐ 3544/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) thành phố V cấp ngày 09/10/2013 mang tên ông Đỗ Xuân H2 và bà Nguyễn Thị H. Theo sơ đồ thửa đất tại trang 3 của GCNQSDĐ ghi phần diện tích đã được cấp GCNQSDĐ là 648m², phần diện tích tăng giáp đường là 352,5m².

Ngày 28/9/2018, đại diện UBND phường K có xuống thửa đất vi phạm hành chính và xác định: Lấn chiếm đất phi nông nghiệp không phải đất ở để xây trụ công, quây tôn và rào bằng khung sắt diện tích đất tăng thêm so với đất được cấp trong GCNQSDĐ.

Ngày 03/10/2018 gia đình bà H nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số: 389/QĐ-XPVPHC ngày 03/10/2018 nội dung phạt tiền mức phạt 4.000.000đ và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Ngày 16/10/2018 gia đình bà H tiếp tục nhận được Quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả tháo dỡ các công trình trên diện tích đất tăng thêm trên.

Ngày 07/11/2018 và ngày 13/11/2018 gia đình bà H lần lượt nhận được Thông báo số: 1010/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế. Sau đó nhận được Thông báo về việc tạm hoãn thời gian tổ chức thực hiện cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 16/10/2018 của UBND phường K.

Ngày 28/12/2018, UBND phường K cưỡng chế thu giữ 02 cánh cổng và một số lại sắt thép. Bà H xác định bà xây dựng trên diện tích đất tăng thêm đã được UBND phường K xác định là do sai số đo đạc bản đồ, đất sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với các hộ liền kề và đã được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ và có ghi nhận trong sơ đồ diện tích đất tăng thêm nên việc gia đình bà H xây dựng là công trên diện tích đất tăng thêm là đúng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên hủy Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số: 35/BB-VPHC ngày 28/9/2018 của UBND phường K; hủy Quyết định số: 389/QĐ-XPVPHC ngày 03/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND phường K; hủy Quyết định số: 435/QĐ-CCXP đề ngày 16/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND phường K và hủy Hành vi cưỡng chế ngày 28/12/2018 của UBND phường K.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND và UBND phường K trình bày:

Hộ ông Ngô Xuân H2 được cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00980 do UBND thị xã V cấp ngày 06/5/1995, tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 07, diện tích 648m² (trong đó: đất ở 300m² + đất vườn 348m²), mang tên ông Ngô Văn H2. Năm 2013, ông Ngô Xuân H2, vợ là Nguyễn Thị H thực hiện thủ tục cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, lý do cấp đổi GCNQSDĐ là do sai tên đệm. Ông Ngô Xuân H2, vợ là Nguyễn Thị H được cấp đổi GCNQSDĐ, số phát hành BN 288309, số vào sổ CH 02712 - QĐ-3544/QĐ-UBND do UBND thành phố V cấp ngày 9/10/2013, tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 51, diện tích 648m², địa chỉ thửa đất tại TDP M1, phường K, thành phố V, theo sơ đồ thể hiện trong GCNQSDĐ thì diện tích tăng 352,5m².

Tháng 8/2014, ông Ngô Xuân H2, bà Nguyễn Thị H thực hiện thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ số phát hành BN 288309, số vào sổ CH 02712-QĐ-3544/QĐ-UBND do UBND thành phố V cấp ngày 09/10/2013, tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 51, lý do cấp đổi GCNQSDĐ là do diện tích tăng 352,5m². UBND phường K đã xét duyệt cấp đổi GCNQSDĐ cho 29 trường hợp (trong đó có ông Ngô Xuân H2). UBND phường đã ký xác nhận để làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ cho các hộ. Tuy nhiên, hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ của ông Ngô Xuân H2, vợ là Nguyễn Thị H chưa được thực hiện xong do hiện trạng sử dụng khác với hồ sơ quản lý và bản đồ 299/TTg.

Ngày 26/8/2018, một số hộ dân TDP M1 có đơn tố cáo về việc ông Ngô Xuân H2 có hành vi chiếm dụng đất của Nhà văn hóa và hành lang đường giao thông để sử dụng. Ngày 05/09/2018, UBND tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản số: 6691/UBND-TD3 về việc chuyển đơn của một số hộ dân TDP M1, phường K, thành phố V. Nội dung đơn: Tố cáo việc gia đình ông Ngô Xuân H2 có hành vi

chiếm dụng đất của Nhà văn hóa và hành lang đường giao thông để sử dụng (xây trụ cổng và bồn tôn bao xung quanh).

Ngày 14/9/2018, UBND phường K đã làm việc với bà Nguyễn Thị H về việc kiểm tra trật tự đô thị xây dựng trên địa bàn phường. Nội dung: Gia đình bà Nguyễn Thị H đã quây tôn ra phạm vi đất chưa được Nhà nước công nhận, cấp GCNQSDĐ. Do vậy, Tổ công tác đề nghị gia đình tự tháo dỡ phần quây tôn để trả lại hiện trạng ban đầu.

Ngày 19/9/2018, UBND phường K làm việc với Văn phòng ĐKĐĐ-CN Vĩnh Yên và TDP M1 để xác minh thửa đất của ông Ngô Xuân H2. Căn cứ vào GCNQSDĐ của ông Hòa, bản đồ 299/TTg, bản đồ địa chính để thống nhất xác định diện tích, ranh giới thửa đất của hộ ông Hòa, bà H, tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 51, diện tích 648m², địa chỉ thửa đất tại TDP M1, phường K, xác định phần diện tích của Nhà văn hóa cũ và đường giao thông.

Ngày 28/9/2018, UBND phường K đã làm việc với bà H về việc yêu cầu tháo dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị xây dựng trên địa bàn phường đối với hộ bà H. Nội dung: Gia đình bà Nguyễn Thị H chưa tự giác tháo dỡ phần quây tôn để trả lại hiện trạng ban đầu. Tổ công tác đã giải thích cho hộ bà H về ranh giới đất của gia đình (theo biên bản làm việc xác minh của UBND phường K với Văn phòng đăng ký đất đai-CN Vĩnh Yên), tuyên truyền, vận động hộ bà Nguyễn Thị H thực hiện tự tháo dỡ hàng rào quây tôn vi phạm.

Ngày 28/9/2018, UBND phường K đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị H, hành vi vi phạm hành chính là lấn đất phi nông nghiệp không phải đất ở (đất giao thông).

Ngày 03/10/2018, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 389/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 16/10/2018, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 435/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 05/11/2018, UBND phường K ban hành kế hoạch số 1004/KH-UBND về việc Tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 16/10/2018 của UBND phường K về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị H.

Ngày 07/11/2018, UBND phường K ban hành Thông báo số 1010/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà bà Nguyễn Thị H.

Ngày 07/11/2018, UBND phường K ban hành Thông báo số 1042/TB-UBND về việc Tạm hoãn thời gian tổ chức thực hiện thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà bà Nguyễn Thị H.

Ngày 14/11/2018, UBND phường K ban hành Thông báo số 1045/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị H.

Ngày 16/11/2018, UBND phường K thực hiện kế hoạch, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị H. Hộ bà Nguyễn Thị H đã tự tháo dỡ trụ cổng, còn các hạng mục khác hộ bà H cam kết tự thu dọn, tháo dỡ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 16/11/2018. Sau 15 ngày nếu hộ bà Nguyễn Thị H không tự tháo dỡ công trình vi phạm thì UBND phường sẽ tổ chức lực lượng để tổ chức cưỡng chế theo kế hoạch.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu: Hủy “Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 35/BB-VPHC ngày 28/9/2018 của UBND phường K”; hủy “Quyết định số 389/QĐ-XPVPHC đề ngày 03/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND phường K”; hủy “Quyết định số 435/QĐ-CCXP đề ngày 16/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND phường K”; hủy “Hành vi cưỡng chế ngày 28/12/2018 của UBND phường K” là không có căn cứ chấp nhận.

Với nội dung nêu trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với các yêu cầu: “Hủy quyết định số: 389/QĐ-XPVPHC đề ngày 03/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND phường K”; “Hủy quyết định số 435/QĐ-CCXP đề ngày 16/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND phường K” và “Hủy hành vi cưỡng chế ngày 28/12/2018 của UBND phường K”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 30/12/2020 của TAND thành phố V; buộc bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 01/QĐ-PT ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nên được chấp nhận xem xét.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện nên Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện và quan hệ pháp luật:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu hủy “Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số: 35/BB-VPHC ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường K” của người khởi kiện không phải là đối tượng khởi kiện; đối với yêu cầu hủy “Quyết định số: 389/QĐ-XPVPHC ngày 03/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND phường K”; hủy “Quyết định số: 435/QĐ-CCXP đề ngày 16/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND phường K” và hủy “Hành vi cưỡng chế ngày 28/12/2018 của UBND phường K” (tuyên hành vi cưỡng chế trái pháp luật) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và xác định quan hệ pháp luật là khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính là có căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 06/5/1995, UBND thị xã V (nay là thành phố V) cấp GCNQSDĐ số vào sổ 00980 QSDĐ cho hộ ông Ngô Văn H2 được quyền sử dụng thửa đất số

28, tờ bản đồ số 07, diện tích 648m² (trong đó 300m² đất ở và 348m² đất vườn) tại xã K, thị xã V, tỉnh Vĩnh Phú (Theo sổ mục kê lập năm 1987 của UBND phường K thể hiện tên chủ sử dụng đất là ông Ngô Văn Tâm - bố đẻ ông Hòa).

Năm 2013, ông Ngô Xuân H2 và vợ là bà Nguyễn Thị H thực hiện thủ tục cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ, lý do cấp đổi GCNQSDĐ là do sai tên đệm.

Ngày 09/10/2013, ông Ngô Xuân H2, bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố V cấp đổi GCNQSDĐ, số vào sổ CH 02712-QĐ 3544/QĐ-UBND đối với thửa đất số 345, tờ bản đồ số 51, diện tích 648m², địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố M, phường K, thành phố V. Đồng thời, tại Mục III – Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất thể hiện sơ đồ trong GCNQSDĐ thì còn thể hiện diện tích tăng 352,5m².

Như vậy, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 1995 và cấp đổi năm 2013, hộ gia đình ông Hòa không thay đổi diện tích sử dụng mà chỉ thay đổi về số thửa, số tờ bản đồ theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và thay đổi về tên đệm từ ông Ngô Văn H2 thành Ngô Xuân H2.

Tháng 8 năm 2014, ông Hòa, bà H tiếp tục thực hiện thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ, lý do cấp đổi GCNQSDĐ là do diện tích tăng 352,5m². UBND phường K đã xét duyệt và ký xác nhận cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Hòa. Tuy nhiên, hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ của ông Ngô Xuân H2, bà Nguyễn Thị H chưa được thực hiện, đến nay bà H, ông Hòa vẫn chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đối với phần diện tích đất tăng là 352,5m².

Căn cứ theo sổ mục kê và Bản đồ 299 lập năm 1987, phần diện tích đất tăng thêm so với GCNSĐĐ cấp cho ông Hòa, bà H thể hiện một phần thửa đất số 26, tờ bản đồ 299 và đường giao thông do UBND phường K quản lý (BL 92).

Theo bản đồ VN đo đạc năm 2000, thửa đất của hộ bà H sử dụng là thửa đất số 345, diện tích là 915,1m², tại tổ dân phố M, phường K, thành phố V (Bút lục 38).

Tại Biên bản làm việc xác minh thửa đất của ông Ngô Xuân H2 ngày 19/9/2018 giữa đại diện UBND phường K, đại diện Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh Vĩnh Yên và đại diện tổ dân phố M thể hiện: Hiện trạng ông Hòa sử dụng thửa đất khi xuống xác minh được thể hiện theo hình thể ABCDEFGHKLMA, trong đó diện tích được xác định ranh giới được cấp theo GCNQSDĐ theo chỉ giới GHKLM; ranh giới diện tích thửa đất hộ ông Ngô Xuân H2 theo bản đồ 299 được xác định theo chỉ giới CDEFGHKLMA; phần diện tích nhà văn hóa và đường giao thông theo bản đồ 299 được xác định theo chỉ giới ABCM, đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Vĩnh Yên thông

báo cho ông Hòa và chỉnh lý, điều chỉnh sơ đồ thể hiện trong GCNQSD đất đã cấp ngày 09/10/2013 tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 51 (Bút lục 27) .

Tại lời khai ngày 30/3/2022 của đại diện Ủy ban nhân dân phường K giải thích diện tích cụ thể của từng hình thể trong sơ đồ thửa đất của Biên bản làm việc ngày 19/9/2018, thể hiện: Tổng diện tích ông Ngô Xuân H2 sử dụng khi xuống xác minh được thể hiện theo hình thể ABCDEFGHKLMA có diện tích 1.000,5m², trong đó diện tích được xác định ranh giới theo GGCNQSDĐ được cấp là 648m²; xác định ranh giới diện tích thửa đất hộ ông Ngô Xuân H2 theo bản đồ 299 được xác định theo chỉ giới CDEFGHKLMA có diện tích 883,5m²; phần diện tích nhà văn hóa và đường giao thông theo bản đồ 299 được xác định theo chỉ giới ABCM có diện tích 117m² (Bút lục 150-153).

Căn cứ Bản đồ 299, sổ mục kê lập năm 1987; GCNQSDĐ cấp cho ông Ngô Xuân H2; Biên bản làm việc xác minh thửa đất của ông Ngô Xuân H2 ngày 19/9/2018, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V và giải thích về hình thể thửa đất ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân phường K thì diện tích đất hộ ông Hòa lấn xây dựng tường bao loan quay tôn và trụ cổng được xác định theo chỉ giới ABCM có diện tích 117m², theo sơ đồ thửa đất trong biên bản làm việc ngày 19/9/2018, phần diện tích đất ông Hòa lấn trên nằm trong một phần thuộc diện tích nhà văn hóa và đường giao thông theo bản đồ 299.

Như vậy, ngày 28/9/2018, UBND phường K đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà H, hành vi vi phạm hành chính là “*lấn đất phi nông nghiệp không phải đất ở (đất giao thông)*” là đúng hành vi vi phạm.

Căn cứ “Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai” lập ngày 28/9/2018, ngày 03/10/2018, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 389/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà H. Nhưng tại Quyết định đã ghi hành vi vi phạm của bà H là “*chiếm đất phi nông nghiệp...*” là không đúng với hành vi mà UBND phường đã lập biên bản về hành vi “*lấn đất phi nông nghiệp...*”. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định: “2. *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi **lấn, chiếm** đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này*” nên xét thấy hành vi “*lấn*”, “*chiếm*” đều được quy định trong một điều luật, đều có mức phạt giống nhau nên xác định sai sót trên của Chủ tịch UBND phường không làm thay đổi bản chất nội dung của vụ việc và Quyết định xử phạt hành

chính được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 58, 59, 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Sau khi UBND phường K ban hành Quyết định số 389/QĐ-XPVPHC, do bà H không tự nguyện thi hành nên ngày 16/10/2018, Chủ tịch UBND phường K ban hành Quyết định số 435/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 16/11/2018, UBND phường K thực hiện kế hoạch, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị H. Hộ bà H đã tự tháo dỡ trụ cổng, còn các hạng mục khác hộ bà H cam kết tự thu dọn, tháo dỡ trong thời gian 15 ngày kể từ ngày 16/11/2018, tuy nhiên sau đó bà H không thực hiện nên ngày 28/12/2018, UBND phường K tiến hành cưỡng chế là đúng trình tự và quy định pháp luật được quy định tại Điều 86, 87, 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Từ nhận định nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ. Do đó, người khởi kiện kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử bổ sung về căn cứ điều luật áp dụng trong phần quyết định.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu 3.100.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định đã chi phí xong là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0006666 ngày 02/01/2020 và biên lai số AA/2017/0007173 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2020/HC-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31; Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 358 của Luật Tố tụng hành chính; các điều 58, 59, 66, 86, 87, 88 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với các yêu cầu: “Hủy quyết định số: 389/QĐ-XPVPHC đề ngày 03/10/2018 về xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND phường K”; “Hủy quyết định số 435/QĐ-CCXP đề ngày 16/10/2018 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND phường K” và tuyên hành vi cưỡng chế ngày 28/12/2018 của UBND phường K là trái pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà H đã nộp đủ và chi phí xong.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0006666 ngày 02/01/2020 và 300.000 đồng biên lai số AA/2017/0007173 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố V;
- Viện kiểm sát nhân dân TP V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà